| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM NÔNG**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 69 /2018/DS-ST
Ngày: 12-12-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Châu Thị Đông Cúc.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Ngân, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:***

Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc:" Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp QSD đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng P.**

Địa chỉ: đường T, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quang Đ - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thiện M - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đồng Tháp.

Địa chỉ: đường N, Phường V, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Ông **Nguyễn An K**, sinh năm: 1966

2. Bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1935

2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1937

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt đại diện Ngân hàng ông M, bà T, ông K, vắng mặt ông Đ lần 2 không lý do. Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Tại đơn khởi kiện ngày 21/08/2018 nguyên đơn Ngân hàng P có ông Phạm Thiện M là đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 15/08/2016 ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T có ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP P số tiền 1.000.000.000 đồng thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm, mục đích vay thanh toán tiền mua hàng (Kinh doanh gia công, làm mới cửa, cầu thang, tủ, giường, bàn, ghế, salon, kệ bếp, tủ âm tường bằng gỗ). Ông K, bà T, ông Đ, bà M thế chấp cho Ngân hàng QSD đất có diện tích 42.997,6 $m^2$ tại thửa 292, tờ bản đồ số 47, đất tọa lạc tại xã T, huyện T. Từ khi vay đến nay ông K, bà T vi phạm nghĩa vụ trả lãi và tiền vay cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông K, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà M có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/8/2018 là 181.972.642 đồng (trong đó: lãi trong hạn 128.275.000 đồng, lãi quá hạn 49.437.500 đồng, lãi chậm nộp 4.260.142 đồng), tổng cộng là 1.181.972.642 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 21/8/2018 đến ngày 10/12/2018 cho đến khi ông K, bà T, ông Đ, bà M trả dứt nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 361.0254/2016/HĐHMTD-CN/PGBank_ĐT ngày 15/08/2016, Khế ước nhận nợ số 361.0254.01/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 16/8/2016 và khế ước nhận nợ số 261.0254.02/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 18/01/2017.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ giải chấp cho ông K, bà T, ông Đ, bà M tài sản thế chấp và tài sản gắn liền với đất tại thửa 292, tờ bản đồ số 47, diện tích 42.997,6 $m^2$ đất tọa lạc tại xã T, huyện T theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN: CH02420 ngày 27/11/2013.

Trường hợp ông K, bà T, ông Đ, bà M không trả số tiền trên cho Ngân hàng hoặc trả không đầy đủ, đề nghị Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp vay nợ theo Hợp đồng thế chấp QSD đất số 361.0254/2016/HĐBL-CN/PGBank_ĐT ngày 15/08/2016 để thu hồi nợ là tài sản diện tích đất 42.997,6 $m^2$ đất tọa lạc tại xã T, huyện T.

**- Bị đơn ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T cùng trình bày:**

Ngày 15/08/2016 ông K, bà T có ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng P số tiền 1.000.000.000 đồng thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm, theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Ông bà có thế chấp cho Ngân hàng phần đất tại thửa 292, tờ bản đồ số 47, diện tích 42.997,6 $m^2$ đất tọa lạc tại xã T, huyện t theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN: CH02420 ngày 27/11/2013 do ông Đ, bà M đứng tên. Từ khi vay đến nay không có trả nợ cho Ngân hàng đúng kỳ hạn vì số tiền vay này ông bà vay dùm cho ông Đ, bà M.

Nay ông bà thống nhất theo yêu cầu của Ngân hàng P số tiền vay 1.000.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/8/2018 là 181.972.642 đồng (trong đó: lãi trong hạn 128.275.000 đồng, lãi quá hạn 49.437.500 đồng, lãi chậm nộp 4.260142 đồng), tổng cộng là 1.181.972.642 đồng và đồng ý trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 21/8/2018 đến ngày 10/12/2018 đến khi ông bà trả hết nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Trường hợp ông bà không thể trả số tiền trên cho Ngân hàng, ông bà đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng với ông bà theo quy định pháp luật.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án có văn bản trình bày ý kiến như sau**: thống nhất với ý kiến của ông K và bà T, nay Ngân hàng khởi kiện bà đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án đến nay không có văn bản trình bày ý kiến.**

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ Tòa án đã triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải nhưng vắng mặt không lý do, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt không lý do đã được triệu tập hợp lệ hai lần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng P có đơn yêu cầu ông K, bà T, ông Đ, bà M thanh toán số tiền đã vay còn nợ và xử lý tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền: Ngân hàng P khởi kiện ông K, bà T, ông Đ, bà M có địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về số tiền nợ gốc: Ngân hàng P yêu cầu ông K, bà T, ông Đ, bà M có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 361.0254/2016/HĐHMTD-CN/PGBank_ĐT ngày 15/08/2016/Khế ước nhận nợ số 361.0254.01/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 16/8/2016 và khế ước nhận nợ số 261.0254.02/2016/ KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 18/01/2017 nguyên đơn và bị đơn và bảng tính gốc, lãi của ông K, bà T, bà M, ông Đ đến ngày 10/12/2018 thể hiện còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc nêu trên.

- Về số tiền nợ lãi: Ngân hàng P yêu cầu ông K, bà T, ông Đ, bà M liên đới thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/05/2017 đến ngày 10/12/2018 là 232.413.242 đồng (trong đó: lãi trong hạn 160.941.667 đồng, lãi quá hạn 65.770.833 đồng, lãi chậm nộp 5.700.742 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 361.0254/2016/HĐHMTD-CN/PGBank_ĐT ngày 15/08/2016/Khế ước nhận nợ số 361.0254.01/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 16/8/2016 và khế ước nhận nợ số 261.0254.02/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 18/01/2017 và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từ ngày 11/12/2018 đến khi ông K, bà T, ông Đ, bà M trả dứt nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Hợp đồng tín dụng số 361.0254/2016/HĐHMTD-CN/PGBank_ĐT ngày 15/08/2016/Khế ước nhận nợ số 361.0254.01/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 16/8/2016 và khế ước nhận nợ số 261.0254.02/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 18/01/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn, người liên quan thì hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người liên quan thanh toán tiền lãi trên nghĩa vụ thanh toán tương đương với thời gian bị vi phạm và khoản lãi quá hạn.

- Phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất sau khi vay ông K có đóng lãi cho Ngân hàng được 03 kỳ, kể từ 25/05/2017 đến nay thì không tiếp tục đóng lãi hoặc trả vốn cho Ngân hàng.

[5] Xét thấy ông Đ đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và số tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu. Mặt khác ông Đ, bà M cam kết trả vốn, lãi phát sinh theo hợp đồng thế chấp, ông Đ bà M cam kết bảo lãnh toàn bộ khoản vay cả vốn và lãi phát sinh bằng toàn bộ tài sản bảo đảm, hơn nữa sự thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng thế chấp nêu trên là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông K, bà T, ông Đ, bà M về việc liên đới trả vốn, lãi cho nguyên đơn.

[6] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa xem xét hợp đồng thế chấp được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Ngân hàng P, bên thế chấp là ông Đ, bà M cam kết trường hợp bị đơn không trả được, không trả đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu đo đạc đất tranh chấp. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp ở giải đoạn thi hành án thì sẽ khởi kiện sau. Xét thấy yêu cầu này phù hợp, chính đáng nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thống nhất trường hợp nếu phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả số tiền vốn và lãi nêu trên thì bị đơn và người liên quan phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng P. Xét thấy ý kiến của các đương sự phù hợp nên chấp nhận.

[9] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông K, bà T, ông Đ, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc, lãi còn nợ. Và tiếp tục trả lãi đến khi trả xong nợ. Nếu ông K, bà T, ông Đ, bà M không trả số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[10] Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[11] Về án phí: căn cứ Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông K, bà T, ông Đ, bà M phải chịu án phí trên yêu cầu của Ngân hàng P được chấp nhận. Ngân hàng P được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 232.413.242 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.232.413.242 đồng theo hợp đồng tín dụng số 361.0254/2016/HĐHMTD-CN/PGBank_ĐT ngày 15/08/2016, Khế ước nhận nợ số 361.0254.01/2016/KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 16/8/2016 và khế ước nhận nợ số 261.0254.02/2016/ KƯNN/NH-TN/PGB_ĐT ngày 18/01/2017 và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2018 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

3. Ngay khi ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng P, thì Ngân hàng P có trách nhiệm trả lại các loại giấy, tài sản thế chấp bản chính theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3282372 ngày 25/01/2016 số công chứng 677 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2016 do Phòng công chứng Số 1, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nếu ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M thanh toán không đủ hoặc không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo giá trị đảm bảo của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3282372 ngày 25/01/2016 số công chứng 677 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2016 do Phòng công chứng Số 1, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trường hợp nếu phát mãi tài sản thế chấp của ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M không đủ trả số nợ trên thì ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng P.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi, từ đủ 60 tuổi trở lên. Ông Nguyễn An K, bà Phạm Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.486.000 đồng ( Hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00001686 ngày 01 tháng 10 năm 2018

và biên lai thu số 0001494 ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Đông Cúc**

***Nơi nhận:***
- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Đông Cúc**